

(2) Có ý kiến đề nghị tăng mức phân bổ đối với dân số có tỷ lệ người Khmer lớn

Định mức phân bổ ở các lĩnh vực chi theo tiêu chí dân số đã ưu tiên mức phân bổ cao nhất đối với người dân sinh sống ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn; đồng thời có hệ số phân bổ tăng thêm theo tiêu chí dân số đối với các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long, địa phương có dân số thấp,... Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

(3) Có ý kiến đề nghị tăng mức hỗ trợ đối với huyện biên giới, hải đảo.

Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính không đề xuất tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.

*** Định mức phân bổ chi an ninh**

Có ý kiến đề nghị bổ sung mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Luật ANTT ở cơ sở có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2024. Phạm vi tính định mức đã quy định cụ thể: Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đã bao gồm kinh phí thực hiện các chính sách được ban hành đến thời điểm ngày 30/4/2025, theo đó đã bao gồm kinh phí thực hiện Luật này. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

(1) Có ý kiến đề nghị phân bổ chi KHCN đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 3%

Dự thảo xin ý kiến các địa phương quy định: Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm, gửi Bộ Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ NSTW hằng năm trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định. Theo đó, chi ngân sách cho KHCN của các địa phương được phân bổ hàng năm trên cơ sở dự toán chi NSNN bố trí cho KHCN, sau khi dành nguồn cho nhiệm vụ KHCN của các cơ quan trung ương, phần còn lại phân bổ cho các địa phương theo khả năng thực hiện của từng địa phương.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó quy định: *Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển.* Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, tiếp thu ý kiến của các địa phương, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền ưu tiên phân bổ chi sự nghiệp KHCN cho các địa phương trong phương án phân bổ dự toán NSTW hàng năm.

*** Mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:**

(1) Có ý kiến đề nghị bổ sung định mức phân bổ thêm tiêu chí hỗ trợ kinh phí sửa chữa, nâng cấp và gia cố hệ thống đê điều, sửa chữa bảo trì hồ đập, duy tu bảo dưỡng đường giao thông, kiến thiết đô thị;

Dự thảo định mức quy định: Phân bổ chi sự nghiệp kinh tế theo tiêu chí dân số (tăng 35% so với định mức năm 2022) và các tiêu chí bổ sung (hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ thủy lợi; hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa;...). Đồng thời quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ để Quốc hội quyết định. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

(2) Có ý kiến đề nghị quy định hỗ trợ nâng cấp đô thị trong thời kỳ ổn định ngân sách:

Dự thảo định mức đã quy định tiêu chí phân bổ cho các địa phương có đô thị (quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đô thị từ loại I đến loại V). Thực tế hiện nay, hàng năm các địa phương được nâng cấp đô thị cao hơn loại đô thị đã tính trong định mức phân bổ nên tiếp thu ý kiến các địa phương bổ sung quy định hỗ trợ nâng cấp đô thị từ năm 2026 trở đi khi cấp có thẩm quyền quyết định nâng cấp đô thị.

(3) Có ý kiến đề nghị tăng mức hỗ trợ giá sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tăng thêm 20%

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Bộ Tài chính đề nghị giữ như dự thảo.

(4) Có ý kiến đề nghị bổ sung tiêu chí hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/QĐ-TTg

Quyết định số 48/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành từ năm 2010 quy định các chính sách hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa. Chính sách này chỉ phát sinh chủ yếu ở các tỉnh miền Trung, kinh phí tăng/giảm lớn hàng năm, phụ thuộc vào các chuyến đi biển của ngư dân. Kế thừa định mức phân bổ ngân sách các giai đoạn trước đây, phạm vi định mức chưa xác định kinh phí thực hiện chính sách này. Trên cơ sở kết quả thực hiện của các địa phương, NSTW sẽ bổ sung cho các địa phương trong điều hành ngân sách hàng

năm theo cơ chế hỗ trợ từ NSTW cho NSDP đã được quy định cụ thể tại khoản 19 Điều 5 dự thảo. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Chi sự nghiệp hoạt động môi trường:**

(1) Có ý kiến tiêu chí phân bổ chi sự nghiệp môi trường địa phương khó xác định cụ thể; đề nghị bổ sung thêm tiêu chí đối với địa phương chưa tự cân đối.

Dự thảo định mức quy định việc phân bổ chi sự nghiệp môi trường của các địa phương theo hướng tiếp tục kế thừa định mức phân bổ năm 2022 (phân bổ theo mật độ dân số, tác động môi trường của sản xuất công nghiệp, diện tích rừng tự nhiên), nâng mức phân bổ tiêu chí dân số đô thị đặc biệt hệ số 15 lên 20 để tăng mức hỗ trợ đối với các đô thị đặc biệt. Ý kiến của một số địa phương phân bổ chi môi trường địa phương khó xác định do việc xác định cụ thể mức chi sự nghiệp môi trường của từng địa phương phụ thuộc vào tổng mức chi môi trường của 63 địa phương.

*** Chi khác của ngân sách địa phương**

Có ý kiến đề nghị tăng mức phân bổ chi khác.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, đồng thời quán triệt tinh thần tiết kiệm chi thường xuyên, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.

*** Đối với những địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp; các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về NSTW:**

(1) Có ý kiến đề nghị nâng hệ số ưu tiên đối với các địa phương khó khăn (đồng bằng sông Cửu Long, có tiêu chí phân bổ thêm cho các tỉnh Tây Nguyên) và các địa phương có dân số thấp.

Tiếp thu ý kiến các địa phương: Bổ sung tiêu chí phân bổ thêm theo tỷ lệ % số chi tính theo định mức dân số cho các địa phương vùng Tây Nguyên để xử lý vấn đề an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn (bằng mức hỗ trợ các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long).

(2) Có ý kiến đề nghị tăng tỷ lệ hỗ trợ các địa phương điều tiết về NSTW

Về vấn đề này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Bộ Tài chính đề nghị giữ như Dự thảo.

*** Về dự phòng ngân sách**

Có ý kiến đề nghị phân bổ dự phòng ở mức 4%

Căn cứ quy định của Luật NSNN, khả năng cân đối ngân sách đã phân bổ dự phòng hợp lý (tối thiểu 2%). Đồng thời, quy định trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, căn cứ tình hình thực tế, các tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

*** Về nguyên tắc hỗ trợ từ NSTW cho NSDP thực hiện các chế độ chính sách**

(1) Nhiều ý kiến đề nghị NSTW hỗ trợ các địa phương khó khăn kinh phí thực hiện các chính sách do tăng đối tượng hoặc tăng mức hỗ trợ các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Kế thừa các tỷ lệ hỗ trợ từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách ASXH do trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025, dự thảo đã quy định nguyên tắc hỗ trợ từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách ASXH giai đoạn 2026-2030 với quan điểm: Các chính sách đã tính trong định mức phân bổ ngân sách (không thay đổi về mức hỗ trợ), các địa phương chủ động sử dụng NSDP để thực hiện; NSTW hỗ trợ NSDP đối với các chính sách ASXH có thay đổi về đối tượng, mức hỗ trợ làm phát sinh nhu cầu kinh phí lớn. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như Dự thảo.

(2) Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc NSTW hỗ trợ các địa phương điều tiết trong thời kỳ ổn định ngân sách khi thu NSDP giảm hoặc có tỷ lệ tăng thu thấp

Việc xử lý giảm thu so với dự toán đã được quy định cụ thể trong Luật NSNN trên cơ sở kết quả thực hiện thu thực tế của các địa phương, nguồn lực NSDP đảm bảo và khả năng cân đối của NSTW vì vậy Bộ Tài chính đề nghị giữ như Dự thảo.

(Chi tiết nội dung tiếp thu/giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương theo Phụ lục đính kèm).

*** Ngoài ra, đối với nội dung các địa phương tham gia về câu chữ, Bộ Tài chính đã tiếp thu để hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

Trên đây là báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương về xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTCP (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Các Vụ: TCKTN, I, PC;
- Lưu: VT, NSNN (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022
(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (*sau đây gọi tắt là định mức năm 2022*).

Qua thực tế thực hiện định mức năm 2022 bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện định mức năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới cho các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thực hiện quy định của Luật NSNN, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 6619/BTC-NSNN ngày 26/6/2024 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Văn bản số 7499/BTC-NSNN ngày 14/07/2024 gửi các Bộ, cơ quan trung ương đánh giá kết quả thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSNN năm 2022 và đề xuất phương án xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận ý kiến tham gia của 27/77 Bộ, cơ quan trung ương và 53/63 địa phương. Trên cơ sở báo cáo của các địa phương và của bộ, cơ quan trung ương, Bộ Tài chính báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện định mức năm 2022 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện định mức năm 2022:

1. Đánh giá chung kết quả đạt được:

Định mức năm 2022 là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022, góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, chế độ, chính sách Nhà nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của mỗi cấp chính quyền địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Định mức năm 2022 là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương (NSTW) cho ngân sách địa phương (NSDP), cũng như tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSDP theo quy định của Luật NSNN năm 2015, cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN, NSTW và ngân sách từng địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương chủ động xây dựng và quyết định ngân sách của mình, khuyến khích các địa phương tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả.

Bên cạnh tiêu chí cơ bản là dân số (chia ra 4 vùng), định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn có các tiêu chí bổ sung đã: (i) Ưu tiên phân bổ đối với các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, khó khăn, biên giới, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các địa phương có đặc thù; (ii) Khuyến khích các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu về NSTW; (iii) Góp phần thúc đẩy sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng NSNN. Ngoài ra, định mức phân bổ chi quản lý hành chính của NSTW đã ưu tiên phân bổ cao nhất cho khối các cơ quan tư pháp, thanh tra, kiểm toán để đảm bảo hoạt động đặc thù của các cơ quan này.

Trải qua quá trình tổ chức thực hiện, hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được các cơ quan liên quan đánh giá là cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện và dễ kiểm tra; nâng cao tính công khai, minh bạch; đảm bảo công bằng và hợp lý giữa các địa phương.

2. Đánh giá kết quả thực hiện định mức năm 2022 đối với các Bộ, cơ quan Trung ương:

2.1. Đánh giá chung kết quả đạt được

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên để tính toán, đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng trong phân bổ chi thường xuyên NSNN, rõ ràng, dễ hiểu;

Cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, kể cả các nhiệm vụ đặc thù riêng biệt của từng bộ, cơ quan trung ương, là cơ sở pháp lý để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, góp phần tăng sự chủ động, linh hoạt cho các cơ quan trong phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí, có kế hoạch chi tiêu, khuyến khích thực hiện tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức;

Bố trí theo định mức giảm tải việc tổng hợp, thảo luận dự toán đối với các nhiệm vụ đã kết cấu trong định mức;

Từng bước nâng cao hiệu quả chi NSNN, phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Đánh giá cụ thể

2.2.1. Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính:

2.2.1.1. Nội dung định mức năm 2022

Chi thường xuyên lĩnh vực QLNN gồm 03 mục chính: (1) Quỹ lương; (2) kinh phí theo định mức; (3) kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù (gồm đặc thù chung và đặc thù riêng biệt); trong đó:

- Quỹ lương: Xác định trên cơ sở số biên chế thực có mặt thời điểm tổng hợp dự toán và số biên chế được giao chưa tuyển (bậc 1).

- Chi định mức theo biên chế cơ bản phù hợp với nhiều nội dung chi vận hành bộ máy tính trên biên chế (trang thiết bị làm việc, công tác phí, văn phòng phẩm, thi đua khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng,...).

- Chi thực hiện nhiệm vụ đặc thù ngoài định mức, gắn với đặc thù chung, đặc thù riêng của bộ, CQTW.

2.2.1.2. Đánh giá

a) Những kết quả đạt được:

- Là cơ sở pháp lý để xây dựng dự toán; tăng sự chủ động, linh hoạt cho các cơ quan trong phân bổ, sử dụng kinh phí.

- Phù hợp với điều kiện thực tế tại các cơ quan, gắn với chủ trương, định hướng về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Phạm vi định mức chi thường xuyên đã kết cấu tương đối đầy đủ các nhiệm vụ chi đảm bảo duy trì hoạt động và nhiệm vụ thường xuyên mang tính chất chung của các cơ quan, đơn vị;

- Các nhiệm vụ phát sinh không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù chung và nhiệm vụ đặc thù riêng được bố trí kinh phí thực hiện theo nhiệm vụ.

- Phương pháp tính định mức lũy thoái theo từng bậc quy mô biên chế là phù hợp hơn, đảm bảo công bằng hơn (trừ khối cơ quan/đơn vị theo ngành dọc).

b) Hạn chế, khó khăn:

- Định mức chi thường xuyên không được điều chỉnh tăng trong cả giai đoạn 2022 - 2025 đã dẫn đến khó khăn cho các Bộ, cơ quan trung ương trong việc cân đối nguồn thực hiện do trong giai đoạn 2022 - 2025 nhiều yếu tố tác động tăng kinh phí như:

- + Chi phí điện, nước, văn phòng phẩm tăng hằng năm (CPI 2022 - 2025 tăng trên 15%);

+ Tiền lương khu vực nhà nước tăng 57%, dẫn tới một số khoản chi gắn với lương cơ sở tăng tương ứng (ví dụ - tiền thưởng theo Luật thi đua Khen thưởng,...);

+ Định mức kết cấu cả chi tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng 68 và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ (tiền công, tiền lương tăng theo lương khu vực nhà nước (tăng 57%), tiền thưởng phát sinh theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP);

- Thực hiện các chủ trương, định hướng về phát triển Chính phủ điện tử, số hóa nền kinh tế nên các bộ, CQTW gặp khó khăn trong việc cân đối nguồn vận hành hạ tầng công nghệ thông tin (đặc biệt ở một số bộ khi đưa vào hoạt động các dự án lớn về công nghệ thông tin được đầu tư nhiều trong giai đoạn vừa qua);

Đối với các cơ quan có khối ngành dọc, việc cân đối kinh phí vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên trụ sở rất khó khăn do số lượng trụ sở làm việc nhiều, phân tán trên phạm vi cả nước.

- Ý nghĩa của định mức rất hạn chế, do tỷ trọng chi thường xuyên theo định mức của lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể của NSTW giảm mạnh và chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng chi thường xuyên của lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể của cả lĩnh vực¹.

Có nhiều nhiệm vụ đã kết cấu trong định mức, nhưng thực tế thực hiện, do các yếu tố nêu trên, bộ, ngành không cân đối được kinh phí, đã đề xuất bố trí ngoài định mức một số nhiệm vụ (nhiệm vụ sửa chữa, nhiệm vụ ứng dụng CNTT,...) dẫn tới giao thoa, chồng lấn giữa trong định mức và ngoài định mức.

2.2.2. Đối với các lĩnh vực còn lại:

2.2.2.1. Nội dung định mức năm 2022

a) Lĩnh vực an ninh, quốc phòng

Phân bổ kinh phí theo chính sách, chế độ đối với con người và nhiệm vụ chuyên môn (không có định mức cụ thể).

b) Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại:

Thực hiện phân bổ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và

¹ Khoảng 9% - 12% (số dự toán); cụ thể: Năm 2022 khoảng 10,07%, năm 2023 khoảng 9,76%, năm 2024 khoảng 9,14% và năm 2025 khoảng 12,3% (năm 2025 tăng so với các năm trước do định mức đã bao gồm khối các cơ quan, đơn vị có cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù như Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông,...).

các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công (không có định mức cụ thể). Trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Thực hiện khoán chi ngân sách theo mức độ tự chủ và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017 - 2021.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016 - 2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

2.2.2.2. Đánh giá

a) Kết quả đạt được:

- Lĩnh vực an ninh, quốc phòng được ưu tiên đảm bảo kinh phí căn cứ chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ được giao.

- Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại:

Từ năm 2022 đến nay, việc phân bổ kinh phí các lĩnh vực sự nghiệp thuộc NSTW thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của ĐVSNCL trong năm 2022, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, các quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

Thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ theo khả năng của NSNN và thu nhập của người dân đã tạo sự minh bạch, góp phần giảm chi thường xuyên của NSNN, tăng tính ổn định, tự chủ cho đơn vị, thúc đẩy đơn vị quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn NSNN.

b) Hạn chế khó khăn:

Do danh mục các dịch vụ sự nghiệp công của từng lĩnh vực đang tiếp tục được hoàn thiện, từng bước thể chế hóa thành các dịch vụ kỹ thuật chi tiết để làm căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá/chi phí đơn vị cho từng dịch vụ kỹ thuật tương ứng nên chưa có cơ sở xây dựng định mức phân bổ các lĩnh vực sự nghiệp. Đối với những dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN đã có định mức kinh tế - kỹ thuật thì NSNN cũng chưa chắc chắn đảm bảo được nguồn lực.

Ngoài ra, khi thực hiện phân bổ NSNN cho các bộ, CQTW theo từng lĩnh vực sự nghiệp công dựa trên các quy định về tự chủ tài chính, quy định về đặt hàng, để tính tỷ lệ và mức hỗ trợ từ NSNN cho cả giai đoạn ổn định cũng có bất cập do nguồn thu từ nhiệm vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng của ĐVSNCL, nguồn thu từ thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ (khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ) không ổn định.

Các năm qua, do tình hình kinh tế khó khăn, nên việc khoán kinh phí hỗ trợ ổn định, hằng năm tiếp tục giảm theo Nghị quyết 19-NQ/TW và định mức năm 2022 dẫn tới khó khăn cho nhiều ĐVSNCL.

3. Đánh giá kết quả định mức năm 2022 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

3.1 Kết quả đạt được:

Tiêu chí phân bổ chi thường xuyên cho các địa phương theo tiêu chí dân số chia theo 04 vùng (ưu tiên mức cao nhất đối với vùng đặc biệt khó khăn) đã đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách do yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên của các địa phương cơ bản phụ thuộc chi tiêu dân số. Đồng thời, tiêu chí phân bổ có hệ số ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo (như: nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp đào tạo vùng đặc biệt khó khăn bằng 2,3 lần đô thị; chi sự nghiệp y tế 2,6 lần; chi sự nghiệp văn hóa thông tin 2,1 lần; chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 2,2 lần; chi sự nghiệp đảm bảo xã hội 1,8 lần;...). Ngoài ra, định mức năm 2022 được xây dựng theo 13 lĩnh vực chi quy định tại Luật NSNN; trong đó, các tiêu chí bổ sung đối với từng lĩnh vực chi đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phù hợp với thực tế; cụ thể như sau:

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục: Đảm bảo cơ cấu 81% tổng chi sự nghiệp giáo dục dành cho chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, 19% dành cho hoạt động giảng dạy, học tập²; bổ sung từ NSTW cho NSDP để thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học sinh khuyết tật, học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn, giảm học phí và chi phí học tập.

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp y tế: Phân bổ cho y tế dự phòng tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện vùng khó khăn, biên giới, hải đảo,... theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; bổ sung từ NSTW cho NSDP để thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng người nghèo, người dân tộc thiểu số, người đang

² Riêng các địa phương có tỷ lệ dân số thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn cao hơn mức bình quân chung của cả nước, tỷ lệ này là 80% - 20%.

sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em dưới 6 tuổi, cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng bảo trợ xã hội,...

- Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính: Tiêu chí phân bổ thêm cho các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn như huyện đảo (phân bổ thêm 3.000 triệu đồng/huyện so với mức 2.500 triệu đồng/huyện của các đơn vị hành chính cấp huyện còn lại), xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo (phân bổ thêm 1.200 triệu đồng/xã so với mức 700 triệu đồng/xã của các đơn vị hành chính cấp xã còn lại); các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có số đơn vị hành chính cấp huyện dưới 10 đơn vị, tạo điều kiện cho các địa phương có thêm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Đảm bảo cơ cấu 75% tổng chi quản lý hành chính dành cho chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; tối thiểu 25% dành cho chi hoạt động để đảm bảo hoạt động của các cơ quan. Theo đó, đã đảm bảo nguồn lực cho các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp văn hóa – thông tin; phát thanh, truyền hình, thông tấn; thể dục thể thao: Có tiêu chí phân bổ cho các di sản văn hóa vật thể Việt Nam được UNESCO công nhận để cùng với nguồn thu phí và các nguồn tài chính hợp pháp khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, quản lý di sản.

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Bố trí đủ nhu cầu kinh phí NSNN thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, có tiêu chí phân bổ cho các cơ sở bảo trợ công lập do địa phương quản lý 1.500 triệu đồng để góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

- Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Tiêu chí phân bổ thêm cho các địa phương có huyện đảo, xã biên giới đất liền, xã đảo, xã ven biển để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ an ninh, trật tự và quan hệ với các địa phương nước bạn.

- Đối với lĩnh vực hoạt động kinh tế: Phân bổ thêm cho các nhiệm vụ như hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi, hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa, kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới do địa phương quản lý. Ngoài ra, bổ sung thêm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo các đơn vị hành chính đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Đối với các địa phương có dân số thấp, các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương có cơ chế, chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về NSTW, định mức phân bổ đã quy định hệ số ưu tiên so với định mức chung để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3.2 Một số khó khăn, vướng mắc:

a) Đánh giá chung về khó khăn vướng mắc:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 còn một số hạn chế như:

(1) Định mức đảm bảo cho năm đầu thời kỳ ổn định nhưng không còn phù hợp với các năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách trong bối cảnh chỉ số giá tiêu dùng hàng năm tăng; lương cơ sở tăng từ 1,49 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng, kéo theo kinh phí chi trả các chính sách an sinh xã hội tính theo lương; mức chuẩn trợ cấp xã hội tăng;... dẫn đến khó khăn trong việc cân đối nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các địa phương có số thu NSNN thấp, diện tích lớn và vị trí địa lý khó khăn.

(2) Trong thời kỳ ổn định phát sinh một số chế độ, chính sách mới do Trung ương ban hành nhưng yêu cầu địa phương đảm bảo một phần hoặc toàn bộ kinh phí dẫn đến khó khăn trong cân đối nguồn lực thực hiện.

(3) Định mức phân bổ ở một số lĩnh vực thấp hơn nhu cầu chi thực tế của các địa phương, chưa đảm bảo thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

b) Đánh giá cụ thể những khó khăn vướng mắc của từng lĩnh vực chi:

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục: Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, mức lương cơ sở tăng, các địa phương nghèo khó khăn trong việc đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động giảng dạy và học tập.

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp y tế: Nguồn thu viện phí, giá dịch vụ thấp, không ổn định nên khó khăn cho các cơ sở y tế trong việc nâng cao mức độ tự chủ.

- Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính: Chưa bố trí định mức đối với hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ, tỷ lệ chi hợp đồng lao động tương tự lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục.

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp văn hóa – thông tin, thể dục thể thao; sự nghiệp phát thanh truyền hình; sự nghiệp đảm bảo xã hội: Định mức còn thấp nên chưa đảm bảo nhu cầu chi của các địa phương.

- Đối với lĩnh vực chi quốc phòng, an ninh: Định mức phân bổ chưa đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

- Đối với lĩnh vực hoạt động kinh tế: Định mức chưa đảm bảo nhu cầu thực tế của địa phương đối với các nhiệm vụ chi kiến thiết thị chính, duy tu, bảo dưỡng, phát triển đô thị, giao thông, thủy lợi, đê điều; chưa có tiêu chí bổ sung trong thời kỳ ổn định ngân sách cho các đơn vị hành chính đô thị mới được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Phương pháp tính khá phức tạp và đòi hỏi hệ thống dữ liệu đầy đủ, cập nhật thường xuyên; định mức chưa đảm bảo nhiệm vụ chi về môi trường ngày càng lớn của địa phương, đặc biệt là các đô thị lớn.

- Đối với lĩnh vực chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương: Mức phân bổ chi khác của NSDP được tính theo tỷ trọng tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ; do vậy, đối với các địa phương dân số thấp và có tổng các khoản chi thường xuyên thấp sẽ dẫn đến chi khác NSDP không đảm bảo.

II. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

1. Phương hướng xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026:

- Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 (sau đây gọi tắt là định mức năm 2026) phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, khả năng cân đối NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm, Kế hoạch tài chính 05 năm 2026 – 2030 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 – 2030) của cả nước.

- Thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi NSNN và nợ công theo đúng Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên dành nguồn cho chi đầu tư phát triển, thực hiện việc tinh gọn bộ máy, đảm bảo hoạt động hiệu lực hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18,19, 27, 28 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XII.

- Khắc phục hạn chế của định mức năm 2022; đồng thời, kế thừa các ưu điểm, sửa đổi, bổ sung một số quy định để phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, có tính đến các yếu tố đặc thù chuyên môn, các biến động khách quan (sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách kết cấu trong định mức,...); tăng tính chủ động, gắn với trách nhiệm quản lý, sử dụng NSNN của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương.

2. Giải pháp thực hiện:

Kế thừa định mức năm 2022 và xây dựng định mức năm 2026 với một số nội dung chủ yếu như sau:

a) Đảm bảo nguồn thực hiện tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng và đảm bảo các chế độ chính sách Trung ương đã ban hành đến trước thời điểm UBTVQH ban hành định mức năm 2026.

b) Tiếp tục quy định phân bổ ngân sách theo dân số là tiêu chí chính và phân theo 04 vùng, trong đó ưu tiên phân bổ ở mức cao nhất đối với vùng đặc biệt khó khăn, khó khăn. Tăng định mức phân bổ theo tiêu chí dân số tăng so với định mức năm 2022 đối với 11/13 lĩnh vực chi (trong đó 02 lĩnh vực quốc phòng; an ninh, trật tự, an toàn xã hội có mức tăng cao hơn các lĩnh vực chi còn lại để đáp ứng yêu cầu an ninh, quốc phòng trong tình hình mới).

Riêng đối với 02 lĩnh vực (khoa học công nghệ; bảo vệ môi trường), tiếp tục quy định như định mức năm 2022.

c) Sửa đổi, bổ sung các tiêu chí ở một số lĩnh vực chi cho phù hợp với thực tế:

- Đối với lĩnh vực chi giáo dục, quản lý hành chính, điều chỉnh tỷ lệ chi khác do quy đổi tốc độ tăng tiền lương, chi hoạt động của năm 2025 so với năm 2022.

- Bỏ tiêu chí phân bổ theo định mức dân số đối với các địa phương có cơ chế chính sách tài chính ngân sách đặc thù (Thanh Hóa, Nghệ An, Huế, Khánh Hòa, TP. Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk) do theo các Nghị quyết của Quốc hội thì cơ chế đặc thù này chỉ áp dụng thí điểm và sẽ được tổng kết đánh giá sau 05 năm thực hiện; mặt khác, khoản phân bổ tăng thêm của các địa phương này đã được xác định trong dự toán năm 2025 và năm 2026 sẽ được đảm bảo.

- Bổ sung tiêu chí phân bổ thêm 15% số chi theo tiêu chí dân số đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn (mức hỗ trợ tương tự như vùng đồng bằng sông Cửu Long).

- Bổ sung thêm tiêu chí tính theo định mức dân số đối với thành phố Huế như nhóm các thành phố trực thuộc trung ương (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) do đã được Quốc hội quyết định thành lập Thành phố Huế trực thuộc trung ương từ ngày 01/01/2025.

- Bổ sung quy định định mức phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số đối với tỉnh Ninh Thuận theo đúng Nghị quyết số 189/2025/QH15 ngày 29/2/2025 của Quốc hội.

d) Bổ sung quy định trường hợp dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ và dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực còn lại được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn.

e) Bổ sung nguyên tắc NSTW hỗ trợ kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

g) Điều chỉnh tăng định mức chi ngân sách của bộ, cơ quan trung ương để đảm bảo các nhiệm vụ có chính sách chi tiêu gắn với lương cơ sở, các nhiệm vụ

chịu tác động của chỉ số giá, các nhiệm vụ phát sinh khối lượng lớn công việc liên quan tới xây dựng, hoàn thiện, truyền thông thể chế, chính sách để giải quyết điểm nghẽn của điểm nghẽn...); xây dựng mức định mức riêng cho các cơ quan, đơn vị ngành dọc thuộc bộ, cơ quan trung ương.

i) Điều chỉnh tăng định mức khối bộ, cơ quan trung ương hằng năm theo tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm trước liền kề hoặc dự kiến năm dự toán và theo khả năng của ngân sách nhà nước

k) Điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ trong/ngoài định mức cho phù hợp với thực tế; phân loại rõ hơn theo quy mô/tính chất đối với các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn được bố trí trong định mức/nhiệm vụ nào bố trí ngoài định mức của khối bộ, cơ quan trung ương.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTCP (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Các Vụ: TCKTN, I, PC;
- Lưu: VT, NSNN (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận

**TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số /BTC-NSNN ngày tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính)



TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
1	VP Chủ tịch nước, Ủy ban sông Mê Kông, Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thông tấn xã VN, UBTW MITQ, TW đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Tổng liên đoàn lao động VN, Liên minh HTX, Hội đồng y, TƯ Hội chữ thập đỏ, Hội nạn nhân chất độc da cam, Hội nhà báo, Hội cựu thanh niên xung phong, Liên hiệp các hội khoa học, liên hiệp các hội văn học, Hội nhà báo	Thống nhất toàn bộ	
2	Tỉnh Ninh Bình, An Giang, Bạc Liêu	Thống nhất toàn bộ	
A CÁC Ý KIẾN CHUNG			
I Cơ quan trung ương			
1	Bộ Quốc phòng	Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và đề nghị sửa phần căn cứ ban hành Quyết định dự thảo của TTCP như sau: "Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;"	Đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.
2	Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>1. Về nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN phải bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính nhất quán và ổn định. - Ưu tiên các lĩnh vực trọng yếu. - Gắn với kết quả đầu ra: Nâng cao hiệu quả sử dụng, tránh dàn trải, lãng phí. <p>2. Về định mức chi thường xuyên NSNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Linh hoạt và phù hợp với thực tế. - Tăng cường tự chủ tài chính: Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. - Định mức cho hoạt động chuyển đổi số. 	Khi xây dựng hồ sơ đính kèm, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi TX NSNN phân NSTW đã được xây dựng trên các ý kiến này của Bộ KH-CN.
3	Bộ Y tế	Nhất trí mức tăng bình quân định mức là 35%.	
4	Hội Khuyến học Việt Nam	Tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định: Đề nghị BTC hướng dẫn cụ thể về nội dung NSNN hỗ trợ các hội đặc thù.	Phạm vi, nội dung hỗ trợ từ NSNN cho các hội đặc thù đã được quy định tại Nghị định số 126/2024/ND-CP; vì vậy, giữ nguyên như dự thảo.

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
II	CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ		
1	Lâm Đồng, Nghệ An	Đề nghị xác định thêm dân số từ các vùng lân cận làm việc, tạm cư tại thành phố	
2	Nam Định	Đề nghị dân số có tăng thêm hàng năm	Do dân số phải tính theo thời điểm để làm cơ sở phân bổ dự toán chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định
3	Hung Yên, Bắc Giang, Đà Nẵng, Bến Tre, Quảng Nam, Hải Dương, Hòa Bình, Bộ Quốc phòng, Gia Lai, Đắk Lắk, Nghệ An, Đồng Tháp	Đề nghị định mức theo đầu dân số, trong đó lĩnh vực quốc phòng an ninh tăng cao hơn	Tiếp thu một phần định mức chi đầu dân số tăng từ 23% lên 35%; chi quốc phòng an ninh tăng từ 33% lên 45% và đảm bảo khả năng cân đối ngân sách
4	Bắc Ninh, Tây Ninh	Bổ sung tiêu chí "tổng dự toán chi thường xuyên giao cho các địa phương năm 2026 được xác định đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2025 do Quốc hội quyết định cộng với mức tăng trưởng tương ứng với tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn mỗi địa phương, tăng do lạm phát và áp dụng hệ số điều chỉnh tăng cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương	Không tiếp thu nguyên tắc này do nguyên tắc chi đảm bảo không thấp hơn dự toán năm 2025. Đối với mức độ tăng trưởng, lạm phát đã nằm trong định mức phân bổ 2026. Số tăng thu của địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách đã được hưởng và đã được tính vào mặt bằng dự toán chi năm 2025
5	Bắc Giang	Tăng hệ số vùng ĐBKK lên 2,5 lần, vùng khó khăn lên 1,5 lần	Giữ nguyên như dự thảo
6	Thái Bình, Thái Nguyên	Bổ sung nguyên tắc: dự toán chi các sự nghiệp còn lại của ngân sách địa phương (sau khi loại trừ sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ) tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ năm 2026 không thấp hơn mặt bằng dự toán năm 2025 và có mức tăng hợp lý.	Tiếp thu
7	Phú Thọ	Đề nghị bỏ tiêu chí phân bổ theo đơn vị hành chính huyện	Tiếp thu theo đúng tinh thần Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị
8	Cà Mau	Đề nghị lấy số liệu dân cư theo cơ sở dữ liệu từ Bộ Công an	
B	Ý KIẾN THAM GIA CỤ THỂ		
	Chương I		
I	ĐỐI VỚI LĨNH VỰC CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH		

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
1	Tòa án nhân dân tối cao	<p>1. Đề nghị bố trí định mức khối tòa án năm 2026 là 99 triệu đồng/biên chế (tăng 3% so với mức dự thảo NQ và tăng 37% so với mức hiện hành) do phát sinh nhiều khối lượng công việc theo Luật Tổ chức TAND năm 2024.</p> <p>2. Đề nghị quy định cụ thể nội dung kinh phí đảm bảo hoạt động phòng xét xử của ngành Tòa án được bố trí ngoài định mức, bao gồm các kinh phí như: Tiền điện, nước, tiền quản lý vận hành; bảo vệ đối với hội trường xét xử.</p> <p>3. Đề nghị bổ sung kinh phí quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy vào phần các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt cần bố trí riêng ngoài định mức; đồng thời định mức chi thường xuyên cũng chưa tính đến chi phí này dẫn đến khó khăn cho TAND các cấp trong quá trình hoạt động.</p>	<p>1. Định mức tại dự thảo NQ và QĐ vì đã tính toán đầy đủ các tác động từ yếu tố trượt giá, tăng lương của khối hợp đồng lao động,... Vì vậy, mức tăng 35% như dự thảo là hợp lý, có đầy đủ cơ sở thực tiễn.</p> <p>2. Tại dự thảo NQ và QĐ, nhiệm vụ kinh phí đảm bảo hoạt động phòng xét xử của ngành Tòa án đã được biên soạn trong phạm vi nội dung, nhiệm vụ đặc thù (ngoài định mức), cụ thể: Kinh phí bảo đảm hoạt động hệ thống phòng xét xử của ngành Tòa án và một số nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan tư pháp theo quy định của pháp luật".</p> <p>3. Giữ nguyên như dự thảo vì nhiệm vụ quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn được đã được kết cấu trong định mức; nay tiếp tục quy định trong dự thảo định mức 2026. Ngoài ra, TANDTC cũng không nêu rõ thực trạng bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ này hiện nay tại TANDTC.</p>
2	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	<p>1. Tại Điều 3 dự thảo NQ, QĐ đề nghị bổ sung thêm quy định "Giữa thời kỳ ổn định ngân sách 2026 - 2030 có cơ kết đánh giá, trường hợp các biến động phát sinh phải thay đổi mức chi thường xuyên cho phù hợp, Chính phủ trình UBNDQH xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách".</p> <p>2. Tại khoản 1 điểm a dự thảo NQ và QĐ, về tiêu chí đề nghị bổ sung nội dung Tiền thưởng.</p> <p>3. Đề nghị tăng định mức phân bổ của khối tư pháp, TTr, KT là "120 triệu đồng/biên chế" do VKSNDTC là cơ quan ngành dọc, hệ thống trụ sở, phương tiện làm việc cũng như số lượng HIDLĐ nhiều.</p>	<p>1. Đối với khối Bộ, CQTW: Dự thảo NQ và QĐ đã bổ sung nội dung: "Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng hằng năm theo tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm trước liền kề hoặc dự kiến năm dự toán và theo khả năng của ngân sách nhà nước."</p> <p>2. Đối với khối các địa phương: Dự thảo cũng đã quy định "Căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu của ngân sách nhà nước tăng thêm số bổ sung từ ngân sách trung ương cho các địa phương so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước".</p> <p>2. Đã tiếp thu và hoàn chỉnh trong dự thảo NQ và QĐ.</p> <p>3. Khi đề xuất tăng định mức phân bổ bình quân khoảng 35% (đối với khối thanh tra, định mức tăng từ 72 lên thành 97 triệu đồng/biên chế) đã tính toán đầy đủ các tác động từ yếu tố trượt giá, tăng lương của khối hợp đồng lao động,... Vì vậy, mức tăng 35% như dự thảo là hợp lý, có đầy đủ cơ sở thực tiễn.</p>

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
		<p>4. Về khoản 1 điểm a dự thảo NQ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa nội dung "chi khen thưởng theo chế độ" thành "chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng". - Đề nghị sửa "Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động..." thành "Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng và chi hoạt động..." - Bổ sung kinh phí chi nhiệm vụ đặc thù thường xuyên của viện KSNĐTC như sau: "kinh phí bảo đảm cho hoạt động điều tra VKSNĐTC và Kiểm sát viên VKSNĐ các cấp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án". - Sửa nội dung nhiệm vụ đặc thù (ngoài định mức) như sau: "chi mua xe máy, chi công nghệ thông tin và chuyển đổi số...". - Đối với nội dung ngoài định mức "sửa chữa lớn hệ thống công nghệ thông tin": Đề nghị bỏ từ "lớn" vì khó phân biệt sửa chữa lớn là như thế nào. <p>5. Đề nghị cân nhắc việc tiếp tục giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ NSNN so với giai đoạn 2021 - 2025 đối với ĐVSNCL do NSNN đảm bảo chi thường xuyên.</p>	<p>4. Về khoản 1 điểm a dự thảo NQ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo có nội dung "theo chế độ" là đã đầy đủ; mặt khác thực tế thời gian qua không phát sinh vướng mắc. Vì vậy, giữ như dự thảo. - Nghị định 111/2022/ND-CP quy định chế độ, chính sách đối với lao động hợp đồng thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động phù hợp với quy định của pháp luật. Phạm vi chi tiền lương, tiền công chi hoạt động cho lao động hợp đồng như dự thảo đã đầy đủ nội dung góp ý của Viện KSNĐTC. - Phạm vi nội dung chi đặc thù thường xuyên (ngoài định mức) của khối cơ quan tư pháp tại hồ sơ đã bao gồm nội dung "kinh phí một số nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan tư pháp theo quy định của pháp luật". Phạm vi này đã bao quát đầy đủ các nhiệm vụ đặc thù của khối tư pháp nói chung và của Viện KSNĐTC nói riêng (trong đó gồm cả nhiệm vụ điều tra của Viện). - Theo quy định hiện hành chưa có chính sách mua xe máy cho cán bộ, công chức nói chung. - Đối với nội dung về chuyển đổi số: Thực tế, hằng năm NSTW đã bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, số hóa CSDL của Viện từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù (ngoài định mức). - Đối với nội dung sửa chữa hệ thống công nghệ thông tin nhỏ, đơn vị có thể chủ động sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo định mức để thực hiện. <p>Trên cơ sở đó, giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>5. Tiếp thu YK, đã điều chỉnh giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ NSNN đối với ĐVSNCL nhóm này (kế thừa Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15).</p>

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
3	Bộ Y tế	1. Nhất trí mức tăng bình quân của định mức là 35%.	
		2. Đề nghị chỉ nhiệm vụ lưu trữ thường xuyên hằng năm không tính trong định mức chi hành chính mà tính ngoài định mức.	2. Một số đơn vị có số lượng hồ sơ lớn, cần phải thuê dịch vụ lưu trữ, hoặc mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác lưu trữ; thì ngoài phạm vi sử dụng định mức phân bổ chi thường xuyên, còn được bố trí ngoài phạm vi định mức chi thường xuyên như nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội. Như vậy, đã bao quát được đầy đủ ý kiến của Bộ Y tế.
		3. Đề nghị kinh phí mua sắm, thay thế ITB, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức (gồm cả kinh phí thực hiện Luật bảo vệ bí mật nhà nước) không tính trong định mức chi QI.HC.	3. Định mức phân bổ chi TX NSNN năm 2026 cơ bản kế thừa các quy định của định mức phân bổ chi TX NSNN năm 2022; dự thảo hiện hành đã bỏ quy định "gồm cả kinh phí thực hiện Luật bảo vệ bí mật nhà nước".
4	Bộ Khoa học và Công nghệ	1. Về định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế: Đề nghị xem xét tăng định mức phân bổ chi thường xuyên trung bình của các bậc lên mức tương đương 120 triệu đồng/biên chế để đảm bảo nguồn thực hiện, khả thi khi xác định tiết kiệm để chi trả thu nhập tăng thêm theo cho người lao động.	1. Giữ nguyên như mức dự thảo NQ và QĐ.
		2. Đề nghị xem xét bỏ cụm từ "quy mô lớn" và sửa lại dấu "+" thứ 3, "-" thứ 3, trang 6 dự thảo NQ như sau: "Nhiệm vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lớn hệ thống công nghệ thông tin dùng chung" (vì chưa có quy định pháp luật về xác định quy mô lớn của hệ thống CNTT). Đề nghị bổ sung tiêu chí cụ thể để xác định thế nào là nhiệm vụ "sửa chữa lớn".	2. Cụm từ "quy mô lớn" tại dự thảo NQ và QĐ là để phân biệt nhiệm vụ đặc thù mang tính chất riêng này với nhiệm vụ đặc thù mang tính chất chung của các bộ, ngành (nhiệm vụ đặc thù chung của các bộ, ngành đã bao gồm nội dung "chi vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lớn hệ thống công nghệ thông tin" như ý kiến của Bộ KHCN.
5	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. Tại điểm a, khoản 1 (trang 4 dự thảo) đề nghị sửa thành: "Áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái ...: Số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương được chia thành các bậc khác nhau với quy mô biên chế của bậc đầu tiên là 100 biên chế trở xuống". Lý do: Nếu áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái số biên chế tính trên tổng số biên chế được giao của từng Bộ thì dự toán kinh phí cấp về đơn vị luôn bị thiếu so với định mức, vì các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hầu hết được giao dưới 100 biên chế.	1. Quyết định của TTCP hiện hành về định mức 2022 đã quy định "Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN ban hành kèm theo Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc để làm căn cứ tổ chức thực hiện...". Dự thảo Quyết định của TTCP về định mức tiếp tục kế thừa quy định này; theo đó tiếp tục giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương ban hành định mức cho các đơn vị trực thuộc.

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
		<p>2. Làm rõ hơn nội dung trong định mức (trang 5 dự thảo) như sau: “Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: ... công tác phí, hội nghị và tổng kết công tác năm của các cơ quan, đơn vị:...”. Lý do: Tránh trùng lặp với hội nghị, tổng kết thực hiện công tác chuyên môn của ngành, lĩnh vực (lĩnh vực di tích, bảo tàng, di sản tư liệu, phi vật thể di sản, quyền tác giả, quyền liên quan, công nghiệp văn hóa, sở hữu trí tuệ, nghệ thuật biểu diễn...).</p> <p>3. Đề nghị đưa nội dung xây dựng VBQPPL (nghị định, thông tư), chỉ hội nghị tập huấn, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn nghiệp vụ (từ nhiệm vụ trong định mức) vào các nhiệm vụ đặc thù (ngoài định mức) và kinh phí đoàn ra, đoàn vào bố trí tăng thêm đáp ứng nhiệm vụ đặc thù của Bộ Văn hóa (tương tự như Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương).</p>	<p>2. Giữ như dự thảo vì nội dung “chỉ tổng kết” đã bao hàm phạm vi thực hiện tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc; ngoài ra, Bộ VH-TT-DL quy định “tổng kết năm” sẽ làm hẹp phạm vi, nội dung chi kết cấu trong định mức mà không có giải thích, đánh giá, số liệu minh chứng.</p> <p>3. Đã tiếp thu và đưa nội dung chi “xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” ra khỏi định mức, và kết cấu trong nội dung chi đặc thù ngoài định mức. Đối với nội dung chi đoàn ra, đoàn vào; dự thảo định mức năm 2026 đang đề xuất tăng bình quân 35% so với định mức năm 2022 đã hỗ trợ tăng các nhiệm vụ thường xuyên do tăng khối lượng (gồm cả đoàn ra, đoàn vào).</p>
6	Bộ Tư pháp	<p>1. Bộ Tư pháp đề xuất bỏ một số nội dung sau ra khỏi định mức chi QLHC: - Chi lao động hợp đồng thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ. - Chi đoàn ra, đoàn vào phục vụ đàm phán theo yêu cầu của Chính phủ. - Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác thường xuyên.</p> <p>2. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung nội dung quy định rõ việc bố trí từ nguồn không thường xuyên để mua ô tô bao gồm giá mua xe theo quy định và các khoản lệ phí nộp ngân sách nhà nước (lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký, cấp biển).</p>	<p>1. Định mức chi thường xuyên NSNN năm 2022 - 2025 đã bao gồm các nội dung này và tiếp tục được kế thừa trong định mức chi thường xuyên NSNN năm 2026. Đề xuất định mức năm 2026 tăng bình quân 35% so với định mức năm 2022 đã tính toán các yếu tố tăng từ lương cho lao động hợp đồng, tốc độ trượt giá, ... Một số nội dung còn được bố trí ngoài phạm vi định mức chi thường xuyên như nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội</p> <p>2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2026 kế thừa các quy định của năm 2022, theo đó không kê chi tiết cụ thể các khoản lệ phí phải nộp khi mua tài sản.</p>
7	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>Cơ bản thống nhất và có một số ý kiến thêm: 1. Nội dung bổ sung: - Bổ sung nội dung chi “Quy thưởng”. - Bổ sung nội dung chi tiền lương, tiền công của hợp đồng lao động thực hiện các công việc đặc thù 2. Nhất trí loại trừ BIHXHVN và NHNNVN khỏi đối tượng áp dụng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN do 02 đơn vị sử dụng nguồn thu bù chi, không sử dụng kinh phí từ NSNN.</p>	Nhất trí tiếp thu và bổ sung trong hồ sơ.

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
8	Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo)	1. Đề nghị xem xét, cân nhắc đưa vào dự thảo Nghị quyết nội dung "Hỗ trợ một phần kinh phí vận hành trụ sở" cho các Bộ, CQTW có định mức hành chính dưới 500 biên chế tại nhiệm vụ không thường xuyên do đối với các cơ quan có số biên chế hành chính ít, tổng kinh phí chi định mức quản lý hành chính thấp, khó cân đối cho nhóm lao động thừa hành, phục vụ, khi bố trí nội dung này trong định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế sẽ làm cho số kinh phí còn lại để thực hiện các nhiệm vụ khác rất khó khăn.	Biên chế giai đoạn 2022 - 2026 của Ủy ban Dân tộc được cấp có thẩm quyền giao khoảng 230 biên chế. Theo quy định của Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, định mức phân bổ chi thường xuyên của UBNDT được tính giảm dần theo từng bậc biên chế (từ 100 biên chế trở xuống: Định mức phân bổ 70 triệu đồng/biên chế; từ biên chế thứ 101 đến 500: Định mức phân bổ 65 triệu đồng/biên chế). Mặc dù giảm theo bậc nhưng định mức chi thường xuyên của UBNDT thuộc nhóm cao nhất và ít bị ảnh hưởng hơn so với các bộ, ngành có ngành dọc. Ngoài ra, theo dự thảo, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2026 của các bộ, CQTW dự kiến điều chỉnh tăng bình quân khoảng 35%, đã đảm bảo bù đắp cho trượt giá, chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ, tăng kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn, vận hành trụ sở cơ quan.
9	Thanh tra Chính phủ	<p>1. Điều chỉnh định mức phân bổ lên thành 125 triệu đồng/biên chế; tăng 73,6% so định mức hiện hành (mức hiện hành là 72 triệu đồng/biên chế).</p> <p>2. Đề nghị bổ sung nhiệm vụ đặc thù: "Chi thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực".</p> <p>3. Bổ sung kinh phí tiền lương và các chế độ trích nộp theo lương cho LĐHHĐ là lái xe do đặc thù của TTTrCP có nhiều đoàn công tác.</p> <p>4. Bổ sung nội dung đánh giá, đề xuất việc thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù thời gian qua; Bổ sung kinh phí cho các nhiệm vụ đặc thù khác và kinh phí bảo lưu thu nhập cho công chức, người lao động đối với cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trước đây được áp dụng cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù.</p>	<p>1. Khi đề xuất tăng định mức phân bổ bình quân khoảng 35% (đối với khối thanh tra, định mức tăng từ 72 lên thành 97 triệu đồng/biên chế) đã tính toán đầy đủ các tác động từ yếu tố trượt giá, tăng lương của khối hợp đồng lao động.... Vì vậy, mức tăng 35% như dự thảo là hợp lý, có đầy đủ cơ sở thực tiễn.</p> <p>2. Đây là các nhiệm vụ đặc thù phát sinh thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Chính phủ. Trong tổ chức thực hiện, dự toán năm 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ này từ các nhiệm vụ đặc thù phát sinh thường xuyên (ngoài định mức) của Thanh tra Chính phủ; đến nay không có vướng mắc. Vì vậy, giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>3. Khi xây dựng, định mức tại dự thảo đã điều chỉnh tăng bình quân khoảng 35%, đã đảm bảo bù đắp cho trượt giá, chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ. Ngoài ra, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đã nêu rõ các chế độ, chính sách đối với nhóm lao động hợp đồng lái xe (trừ lái xe phục vụ Bộ trưởng hoặc chức vụ, chức danh tương đương Bộ trưởng trở lên; lái xe chuyên dùng chuyên chở tiền của Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước) áp dụng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật dân sự và quy định của pháp luật khác có liên quan.</p> <p>4. Hiện nay, cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước đang được trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ (trong đó có hướng xử lý thu nhập, nguồn tài chính...) của các cơ quan, đơn vị này. Bộ Tài chính sẽ có báo cáo riêng về các nội dung này.</p>

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
10	Kiểm toán Nhà nước	<p>1. Tại điểm a khoản 1 Điều 4 dự thảo NQ và dự thảo QĐ TTg: Đề nghị bổ sung "chế độ tiền thưởng" vào tiêu chí phân bổ của chi QLHC.</p> <p>2. Về định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế (trang 4): (i) Đề nghị làm rõ định mức áp dụng 83 triệu đồng/biên chế được áp dụng cho đồng thời cả các biên chế trong khối ngành dọc và các biên chế không thuộc khối ngành dọc nhưng thuộc bộ, CQTW; hay chỉ áp dụng cho các biên chế trong khối ngành dọc. (ii) Đề nghị quy định chi tiết các cơ quan có ngành dọc; không nên để dấu "..." như dự thảo NQ và dự thảo QĐ. (iii) Đề nghị làm rõ hơn hoặc bổ sung tiêu chí phân định sự khác biệt giữa các nhiệm vụ mua sắm, tài sản, trang thiết bị của cán bộ, công chức với nhiệm vụ mua sắm tài sản ngoài định mức, các nhiệm vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lớn hệ thống CNTT với nhiệm vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lớn hệ thống CNTT quy mô lớn, dùng chung; biên tập cụ thể các nhiệm vụ đặc thù mang tính riêng biệt của các cơ quan, đơn vị trước đây được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù.</p> <p>3. Về đơn vị sự nghiệp công lập (i) Đề nghị bổ sung "mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt" tại nội dung "Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau..." (ii) Việc tiếp tục giảm 15% ngân sách cấp cho các ĐVSNCL do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là hợp lý, phù hợp; nhưng cần xem xét, đánh giá lại tác động đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị trên.</p>	<p>1. Đã tiếp thu và bổ sung trong dự thảo.</p> <p>2. Về định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế (trang 4) (i) Đã tiếp thu ý kiến của KTNV và hoàn thiện dự thảo theo hướng áp dụng mức 83 triệu đồng/biên chế thuộc cơ quan, đơn vị ngành dọc (tổ chức từ TW đến ĐP theo mô hình nhiều cấp), áp dụng phương pháp lũy thoái đối với biên chế không thuộc cơ quan, đơn vị ngành dọc. (ii) Đã tiếp thu và hoàn chỉnh tại dự thảo NQ và QĐ. (iii) Đã tiếp thu và hoàn chỉnh trong dự thảo. Riêng đối với nội dung CNTT, nhiệm vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lớn hệ thống CNTT là nhiệm vụ đặc thù chung của bộ, CQTW (nhiều bộ, CQTW có); còn nhiệm vụ thuê dịch vụ, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa lớn hệ thống công nghệ thông tin quy mô lớn, dùng chung được là nhiệm vụ đặc thù riêng biệt, chỉ có ít bộ, CQTW có.</p> <p>3. Về đơn vị sự nghiệp công lập (i) Quy định về cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt mức độ tự chủ, quy trình thực hiện cũng như cơ sở xây dựng phần NSNN hỗ trợ được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP,...). (ii) Tiếp thu YK, đã điều chỉnh giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ NSNN đối với ĐVSNCL nhóm này (kể thừa Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15).</p>

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	CHƯƠNG II	Định mức phân bổ cho các địa phương	
	Điều 3		
1	Lạng Sơn, Hải Phòng	Đề nghị điều chỉnh định mức phân bổ dân số phù hợp với tốc tăng trưởng, yếu tố trượt giá, lạm phát, tính đặc thù và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại các địa phương	Tiếp thu tăng mức phân bổ theo tiêu chí dân số lên mức 35%; riêng đối lĩnh vực quốc phòng an ninh lên mức 45% so với năm 2022
	Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục		
1	Hung Yên, Lâm Đồng, Bắc Giang, Điện Biên, Bến Tre, Quảng Nam, Thái Nguyên, Hải Dương, Nam Định, Bình Định, Cần Thơ, Yên Bái, Đắk Nông, Quảng Ninh, Nghệ An, Cà Mau, Tây Ninh, Tuyên Quang, Long An	Đề nghị giữ nguyên tỷ lệ chi khác hoặc tăng thêm tỷ lệ so với định mức năm 2022	Giữ nguyên như dự thảo
2	Thái Bình	Bổ sung nguyên tắc không thấp hơn dự toán 2025	Tiếp thu
3	Đồng Nai	Đề nghị bổ sung kinh phí quỹ tiền thưởng	Giữ như dự thảo
4	Lâm Đồng, Cà Mau	Bổ sung thêm kinh phí nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	Giữ như dự thảo
5	Điện Biên, Quảng Bình	Bổ sung thêm tiêu chí - Chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo, học sinh dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017. Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ. - Chính sách hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số tại các trường Dân tộc nội trú theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ. - Giáo viên Hợp đồng theo NĐ 111/2022/NĐ-CP	Theo các quy định pháp luật hiện hành, kinh phí thực hiện các chế độ chính sách nêu trên đều do ngân sách địa phương đảm bảo. Định mức phân bổ năm 2026 theo tiêu chí dân số đã tính tăng thêm 35%, đảm bảo tỷ lệ chi khác đối với sự nghiệp giáo dục là 17%, đảm bảo dự toán tính theo định mức không thấp hơn dự toán năm 2025. Như vậy đã đảm bảo được kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách.
6	Nam Định	Đề nghị phân bổ theo tiêu chí học sinh và định mức kinh tế kỹ thuật	Kế thừa định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các giai đoạn trước đây, sự nghiệp giáo dục được tính phân bổ theo dân số theo độ tuổi đến trường (từ 1-18 tuổi), về bản chất cũng là tính theo tiêu chí học sinh. Riêng về ý kiến phân bổ theo định mức kinh tế kỹ thuật: hiện nay nhiều định mức kinh tế kỹ thuật chưa được ban hành. Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP các cơ quan ở cả trung ương và địa phương đều phải ban hành định mức kinh tế kỹ thuật nên không thể xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật theo tiêu chí phân bổ chung cho các địa phương.

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		
1	Bắc Giang, Điện Biên, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Long An	Bổ sung thêm tiêu chí kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.	Do chính sách mới được sửa đổi theo Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ. Hiện nay các địa phương bắt đầu triển khai, tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện. Trên cơ sở đó mới xác định được tổng nhu cầu kinh phí thực hiện. Vì vậy, định mức phân bổ quy định chưa bao gồm kinh phí thực hiện chính sách này mà sẽ xử lý hỗ trợ các địa phương theo cơ chế hỗ trợ từ NSTW cho NSDP để thực hiện các chính sách ASXH.
2	Long An	Bổ sung kinh phí thực hiện NĐ 97; chính sách thu hút nguồn nhân lực	Giữ như dự thảo
	Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế		
1	Lạng Sơn, Nam Định, Yên Bái, Quảng Ngãi, Quảng Bình	Tăng định mức sự nghiệp y tế	Tiếp thu tăng từ mức 23% lên mức 35% và đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách
2	Đà Nẵng, Nam Định, Quảng Ngãi, Đồng Tháp	Bổ sung BHYT đối với người đóng BHXH tự nguyện	Theo quy định của Luật BHYT, đối tượng BHXH tự nguyện do ngân sách địa phương chi trả. Đồng thời, số đối tượng này biến động hàng năm theo nhu cầu thực tế. Vì vậy, khó có cơ sở xác định và hỗ trợ nên Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.
3	Nam Định	Đề nghị bổ sung kinh phí đối với trạm y tế xã	Định mức đầu dân số đã bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ này. Vì vậy, Bộ Tài chính kiến nghị giữ như dự thảo.
4	Quảng Nam, Nam Định	Bổ sung tiêu chí mua sắm thiết bị, vật tư y tế để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch cho người dân	Giữ như dự thảo
5	Bắc Kạn	Trạm y tế thuộc xã khó khăn 500 triệu đồng/Trạm/năm, Trạm y tế thuộc xã đặc biệt khó khăn 550 triệu đồng/Trạm/năm	Giữ như dự thảo
	Điều 9. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính		
1	Lạng Sơn, Cao Bằng, Đà Nẵng, Quảng Nam, Thái Nguyên, Hải Dương, Nam Định, Quảng Ninh, Đồng Tháp, Tây Ninh	Đề nghị nâng mức phân bổ đơn vị hành chính huyện, xã	Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính đề xuất không còn tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.
2	Quảng Ngãi	Tăng mức hỗ trợ đơn vị hành chính	Tiếp thu một phần yêu cầu tăng, tuy nhiên do không còn tiêu chí phân bổ đơn vị hành chính cấp huyện nên chuyển sang hỗ trợ tăng thêm tiêu chí dân số
3	Thái Nguyên	Bổ sung kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng	Định mức chi theo đầu dân đã bao gồm các nhiệm vụ chi này
4	Thái Nguyên	Bổ sung kinh phí khen thưởng huy hiệu Đảng	
5	Hưng Yên, Bắc Giang, Điện Biên, Bến Tre, Thái Nguyên, Nam Định, Bình Định, Đắk Nông, Nghệ An, Cà Mau, Tây Ninh, Tuyên Quang, Long An	Đề nghị giữ nguyên tỷ lệ chi khác hoặc tăng thêm tỷ lệ so với định mức năm 2022	Tiếp thu một phần tăng tỷ lệ chi khác thêm 1% đảm bảo tỷ lệ 21%

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
6	Cao Bằng, Hòa Bình	Đề nghị tỉnh có 10 đơn vị hành chính được phân bổ thêm 10% định mức	Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính đề xuất không còn tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.
7	Quảng Nam	Đề nghị bổ sung thêm đối với địa phương có số đơn vị hành chính cao hơn bình quân cả nước	Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính đề xuất không còn tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.
8	Cần Thơ	Bổ sung thêm tiêu chí phân bổ thực hiện chính sách đảng theo quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW	Giữ như dự thảo
9	Hải Dương	Bổ sung thêm tiêu chí xã mới sáp nhập với mức phân bổ bằng hệ số 1,3 so với các xã cùng loại	Giữ như dự thảo
10	Bắc Kạn	Đề nghị phân bổ thêm đối với xã đặc biệt khó khăn 750 triệu đồng/xã/năm, đối với xã khó khăn 500 triệu đồng/xã/năm; phân bổ thêm kinh phí đối với huyện nghèo, huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng cao là 2.000 triệu đồng/huyện/năm, huyện còn lại 1.500 triệu đồng/huyện/năm, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng cao 500 triệu đồng/xã/năm, xã còn lại 300 triệu đồng/xã/năm	Tiếp thu một phần yêu cầu tăng định mức hỗ trợ cấp xã là 1,1
	Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin		
1	Bắc Kạn, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Trà Vinh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh	Đề nghị bổ sung tiêu chí đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội thông tin lưu động, điểm du lịch quốc gia, di sản văn hóa thế giới, di sản quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa phi vật thể, di tích lịch sử quốc gia; hỗ trợ đoàn xiếc, đoàn nghệ thuật cải lương	Dự thảo đã quy định mức hỗ trợ nêu trên trong định mức phân bổ theo đầu dân số. Ngoài ra, do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 30/4/2025. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
2	Lạng Sơn, Cần Thơ, Quảng Bình	Đề nghị nâng định mức thêm	Tiếp thu tăng từ mức 23-24% lên mức 35% và đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách
	Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
1	Quảng Nam, Long An	Bổ sung huyện miền núi được 1 tỷ đồng	Dự thảo đã quy định mức hỗ trợ nêu trên trong định mức phân bổ theo đầu dân số. Ngoài ra, do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các
2	Bắc Kạn	Bổ sung tiêu chí trạm phát lại phát thanh	
3	Quảng Bình	Tăng định mức chi	Tiếp thu tăng từ mức 23-24% lên mức 35% và đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách
	Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao		
1	Nam Định, Quảng Bình, Bình Thuận, Long An	Đề nghị bổ sung tiêu chí đối với vận động viên thành tích cao, vận động viên khuyết tật	Dự thảo đã quy định mức hỗ trợ nêu trên trong định mức phân bổ theo đầu dân số. Ngoài ra, do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 30/4/2025. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Điều 13. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội		
1	Thái Bình	Đề nghị nâng định mức phân bổ	Tiếp thu tăng từ mức 23-24% lên mức 35% và đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách
2	Cao Bằng, Điện Biên, Thái Bình, Long An	đề nghị bổ sung thêm kinh phí tặng quà cho đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội; tăng mức hỗ trợ cơ sở bảo trợ xã hội do địa phương quản lý; hỗ trợ cán bộ xã nghỉ việc, hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Dự thảo đã quy định mức hỗ trợ nêu trên trong định mức phân bổ theo đầu dân số. Ngoài ra, do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 30/4/2025. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
3	Trà Vinh, Thái Bình	Đề nghị nâng mức thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách	
4	Hưng Yên, Hòa Bình, Quảng Bình	Tăng mức hỗ trợ cơ sở bảo trợ xã hội do địa phương quản lý	Căn cứ khả năng cân đối đề nghị giữ như dự thảo
	Điều 14. Định mức phân bổ chi quốc phòng		
1	Lâm Đồng, Thái Bình, Thái Nguyên, Hải Dương, Nghệ An, Cà Mau, Tây Ninh, Bình Thuận, Long An	Xem xét đưa nhiệm vụ hỗ trợ lực lượng an ninh trật tự cơ sở của địa phương; Luật Dân quân tự vệ; lực lượng dân quân cấp xã ven biển, đảo	Dự thảo đã quy định mức hỗ trợ nêu trên trong định mức phân bổ theo đầu dân số. Ngoài ra, do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 30/4/2025. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
2	Lạng Sơn, Lâm Đồng, Thái Bình, Quảng Nam, Thái Nguyên, Cần Thơ, Yên Bái, Đồng Nai, Hòa Bình, Quảng Ngãi, Đồng Tháp, Quảng Bình, Long An	Nâng định mức dân số	Tiếp thu đã tăng theo mức chung từ 33% lên 45%
3	Trà Vinh	Đề nghị hỗ trợ 10 tỷ đồng đối với địa phương có trên 25% dân số Khmer; bổ sung tính có đường biên giới đất liền, kinh phí đối ngoại	Định mức đã ưu tiên phân bổ thêm chi theo đầu dân số đối với vùng ĐBSCL thêm 15%
4	Bắc Kạn	phân bổ thêm 1.000 triệu đồng/xã CT229/năm	Giữ như dự thảo
5	Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung theo tiêu chí đồng bào dân tộc thiểu số	Giữ như dự thảo do định mức phân bổ theo đầu dân đã ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số
	Điều 15. Định mức phân bổ chi an ninh		
1	Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình	Tăng định mức phân bổ	Tiếp thu đã tăng theo mức chung từ 33% lên 45%
2	Điện Biên, Bến Tre	Bổ sung thêm kinh phí hỗ trợ lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ; Đề án 06 và Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị	Dự thảo đã quy định mức hỗ trợ nêu trên trong định mức phân bổ theo đầu dân số. Ngoài ra, do định mức phân bổ đã bao gồm thực hiện các chính sách đến 30/4/2025. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
1	Trà Vinh, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Tây Ninh, Tuyên Quang, Long An	Tăng mức phân bổ chi KHCN đảm bảo tỷ lệ 3%	Hiện nay, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ KH&CN trình cấp có thẩm quyền sửa đổi Luật NSNN và Luật KH&CN, trong đó sẽ nghiên cứu quy định tỷ lệ tối thiểu chi cho KHCN đảm bảo 3%. Do đó, dự thảo định mức chưa có cơ sở quy định ngay nội dung này mà chỉ kế thừa quy định trước đây là Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học và công nghệ của từng địa phương hàng năm, gửi Bộ Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách trung ương hàng năm trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.
	Điều 17. Mức phân bổ chi hoạt động kinh tế		
1	Lạng Sơn, Trà Vinh, Bình Định, Bắc Kan, Quảng Ngãi	Đề nghị nâng mức đô thị loại các loại	Tiếp thu 1 phần tăng thêm 5%
2	Lạng Sơn, Nghệ An, Long An	Nâng mức hỗ trợ đường tuần tra biên giới đất liền	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
3	Cao Bằng, Hải Dương, Đắk Nông, Tuyên Quang, Quảng Bình	Đề nghị tăng mức hỗ trợ giá sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Giữ như dự thảo
4	Nam Định, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh	Bổ sung thêm tiêu chí hỗ trợ kinh phí sửa chữa, nâng cấp và gia cố hệ thống đê điều, sửa chữa bảo trì hồ đập, duy tu bảo dưỡng đường giao thông, kiến thiết đô thị	Giữ như dự thảo
5	Đà Nẵng, Quảng Ngãi	Bổ sung tiêu chí hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và khai thác hải sản trên các vùng biển xã theo QĐ 48	Kinh phí thực hiện chính sách này chỉ phát sinh chủ yếu ở các tỉnh miền Trung, không đồng đều giữa các năm, phụ thuộc vào các chuyến đi biển của ngư dân. Vì vậy, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết không bao gồm chính sách này mà sẽ xử lý trong quá trình điều hành ngân sách hằng năm. Vì vậy, giữ nguyên như dự thảo.
6	Trà Vinh, Cần Thơ	Bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới	Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính đề xuất không còn tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.
7	Quảng Nam	Bổ sung tiêu chí hỗ trợ các xã biên giới đất liền, xã ven biển để đầu tư hạ tầng ven biển, phòng tránh bão và hỗ trợ dân cư sinh sống ở biên giới, nghề biển, định mức 5.000 triệu đồng/xã.	
8	Nam Định	Đề nghị bổ sung thêm quy định hỗ trợ đơn vị hành chính mới thành lập	Thực hiện Kết luận số 126, 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ Tài chính đề xuất không còn tiêu chí phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp huyện.
9	Cà Mau	Bổ sung tiêu chí hỗ trợ vùng đồng bằng sông Cửu Long và Cà Mau	Giữ như dự thảo

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Điều 18. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
1	Hải Dương, Vĩnh Phúc	Đề nghị phân bổ theo tiêu chí đơn giản hơn	Giữ nguyên như dự thảo
2	Cao Bằng	Bổ sung tiêu chí đối với địa phương chưa tự cân đối ngân sách	Giữ nguyên như dự thảo
3	Đồng Tháp	Đề nghị phân bổ bằng 30% chi SNKT	Giữ nguyên như dự thảo do không có cơ sở
4	Bình Thuận	Bổ sung tiêu chí hỗ trợ các điểm tiềm ẩn ô nhiễm môi trường, các mỏ dầu đang khai thác	Giữ nguyên như dự thảo do không có cơ sở
5	Long An	Đề xuất bổ sung nội dung: "(i) Phân bổ kinh phí cho các địa phương để chi bảo vệ Khu Ramsa 10.000 triệu đồng/năm; (ii) Dành 10% kinh phí phân bổ cho các địa phương có nhà máy xử lý rác để thực hiện công tác bảo vệ môi trường	Giữ nguyên như dự thảo do không có cơ sở
	Điều 19. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương		
1	Lạng Sơn, Hải Phòng, Trà Vinh, Thái Bình, Cần Thơ, Quảng Ngãi, Nghệ An, Quảng Bình, Long An	Đề nghị tăng mức chi khác	Giữ như dự thảo để đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách cũng như quán triệt tinh thần tiết kiệm chi thường xuyên NSNN
	Điều 20. Đối với những địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp		
1	Gia Lai, Đắk Lắk	Đề nghị tăng mức dân số vùng Tây Nguyên	Tiếp thu bổ sung nội dung tăng 15% tỷ lệ dân số vùng Tây Nguyên
2	Bắc Kạn	Tăng mức hỗ trợ địa phương dân số thấp	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
3	Đồng Tháp, Cà Mau	Tăng tỷ lệ hỗ trợ đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
	Điều 21. Đối với các tỉnh, thành phố có cơ chế đặc thù, có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương		
1	Hải Phòng	Đề nghị nâng mức phân bổ 80% như Hà Nội	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách và khả năng đóng góp của Thành phố (dưới 50% về NSTW)
2	Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ngãi, Long An	Tăng tỷ lệ đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết	Giữ nguyên như dự thảo theo khả năng cân đối ngân sách
3	Nghệ An, Thanh Hóa	Tiếp tục có cơ chế đặc thù	Giữ nguyên như dự thảo do cơ chế đặc thù của địa phương chỉ thực hiện trong giai đoạn trước
4	Long An	Điều tiết NSDP 30% số thu XNK	Không tiếp thu do không thuộc phạm vi điều chỉnh của NQ
	Điều 22. Dự phòng ngân sách		
1	Hải Phòng, Quảng Nam, Nam Định, Yên Bái	Đề nghị tăng mức tính dự phòng	Căn cứ quy định của Luật NSNN, khả năng cân đối ngân sách đã phân bổ dự phòng hợp lý (tối thiểu 2%). Đồng thời, trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, căn cứ tình hình thực tế, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
2	Yên Bái, KTNN	Đề nghị quy định rõ dự phòng tính trên tổng chi cân đối không gồm bội chi	Tiếp thu

TT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Tài chính
	Điều 23. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách		
1	Dồng Nai	Đề nghị bổ sung nguyên tắc NSTW hỗ trợ các địa phương điều tiết trong thời kỳ ổn định ngân sách khi thu NSDP giảm hoặc có tỷ lệ tăng thu thấp	Định mức để phân bổ dự toán chi thường xuyên, việc xử lý giảm thu dự toán cần xem xét trên cơ sở khả năng cân đối của NSTW
2	Lạng Sơn, Thái Nguyên	Đề nghị bổ sung thêm định mức kinh phí để thực hiện một số chế độ chính sách do Trung ương ban hành nhưng địa phương vẫn phải thực hiện	Không tiếp thu do định mức chi thường xuyên đã đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn dự toán chi thường xuyên năm 2025
3	Hưng Yên	Cho phép địa phương sử dụng nguồn CCTL để chi trả cho các chế độ, chính sách an sinh xã hội	Không tiếp thu do thẩm quyền quyết định sử dụng nguồn CCTL còn dự thuộc Quốc hội
4	Cao Bằng, Cà Mau, Tây Ninh	Đề nghị hỗ trợ 100% kinh phí tăng thêm đối với các chính sách đã tính trong định mức	Giữ nguyên như dự thảo
5	Hải Phòng, Đồng Nai	Đề nghị bổ sung quy định điều chỉnh tăng thêm đối với các địa phương như quy định đối với các Bộ, cơ quan trung ương	Giữ nguyên như dự thảo, chỉ quy định tăng thêm đối với các địa phương khó khăn
	VỀ ĐIỀU CHỈNH PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI		
1	Về xử phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT		
		Đề nghị trung ương bổ sung 100% cho địa phương	Việc xử lý do Chính phủ trình Quốc hội hàng năm
2	Về quỹ bảo trì đường bộ Lạng Sơn, Long An	Bổ sung thêm nội dung kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	Tiếp thu sửa đổi nội dung câu chữ

